

Số: 578 /HD-UBND

Hà Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2016

HƯỚNG DẪN

Phân công và phối hợp quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm (ATTP) theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm (ATTP) ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan chuyên ngành được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm;

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân công nhiệm vụ và nguyên tắc phối hợp thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP) giữa các cơ quan, ban, ngành chức năng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan, ngành chức năng gồm: Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Hải Quan tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan khác, các tổ chức chính trị, các Đoàn thể quần chúng, các Hội và Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố (gọi chung là cơ quan);

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.

Chương II PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ

Điều 3. Nguyên tắc phân công trách nhiệm

1. Mọi hoạt động phối hợp thực hiện nhiệm vụ đảm bảo công tác An toàn thực phẩm (ATTP) phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân, Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh. Bảo đảm tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước và các hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát và xử lý vi

phạm trong lĩnh vực ATTP, tránh hình thức, chồng chéo, bỏ trống nhiệm vụ làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác quản lý bảo đảm ATTP trên địa bàn;

2. Hoạt động phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chủ trì và phối hợp đều tuân thủ các quy định của pháp luật trong bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy định, quy trình bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) trong phạm vi theo phân cấp quản lý;

3. Đảm bảo kỷ luật, kỷ cương, khách quan, trung thực, chính xác, minh bạch trong quá trình phối hợp, cùng phát hiện những điểm bất hợp lý, chưa phù hợp trong việc tổ chức thực hiện để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với nhiệm vụ, tránh hình thức, kiểm tra nhiều lần của nhiều đoàn kiểm tra tại các cơ sở, gây cản trở và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của cơ sở.

Trong quản lý:

1. Bảo đảm nguyên tắc một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước;

2. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm thực phẩm theo danh mục quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này;

3. Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 Sở trở lên, trong đó có sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế thì Sở Y tế chịu trách nhiệm quản lý;

4. Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công thương thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý;

5. Đối với cơ sở kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 sở trở lên (bao gồm cả chợ và siêu thị) thì Sở Công thương chịu trách nhiệm quản lý; trừ chợ đầu mối, đấu giá nông sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

6. Sở Y tế chịu trách nhiệm quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm trừ những loại dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ được sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn và Sở Công thương.

Trong hoạt động thanh tra, kiểm tra:

1. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch của cấp trên;

2. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cùng cấp trùng nhau về địa bàn, cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập đoàn liên ngành; cơ quan chủ trì việc thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả thanh tra, kiểm tra cho cơ quan tham gia phối hợp. Trường hợp tiến hành thanh tra, kiểm tra liên ngành, Sở Y tế là cơ quan chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các lực lượng liên quan tổ chức và phân công thực hiện;

3. Chỉ cơ quan quản lý nhà nước được quy định tại Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan chuyên ngành được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành mới được tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Y tế

Sở Y tế chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi trách nhiệm được phân công trên địa bàn tỉnh; là cơ quan đầu mối Thường trực Ban Chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh.

a) Là đầu mối tổng hợp, báo cáo tình hình an toàn thực phẩm cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo VSATTP tỉnh, Cục An toàn thực phẩm và Bộ Y tế;

b) Định kỳ hằng năm tổ chức kiểm tra tình hình an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; là đầu mối giám sát môi nguy cơ ô nhiễm thực phẩm trên địa bàn tỉnh;

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra sản phẩm và các cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng trên địa bàn theo phân cấp của Bộ Y tế; Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành an toàn thực phẩm đối với tất cả các cơ sở kinh doanh, chế biến thực phẩm, bếp ăn tập thể, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn theo phân cấp của Bộ Y tế;

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở chuyên ngành tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các ngành khác khi có chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế; khi phát hiện thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm lưu thông trên địa bàn vi phạm có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng; khi có sự khác biệt trong kết luận thanh tra của các sở chuyên ngành và theo đề nghị của sở chuyên ngành;

đ) Tổ chức tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (*theo Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 19/11/2012 của Bộ Y tế V/v hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm*); xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, bao gồm: thực phẩm chức năng; phụ gia thực phẩm; chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; các sản phẩm nhập khẩu là thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm.

e) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, chế độ kiểm nghiệm định kỳ đối với sản phẩm thuốc lá đã công bố (*theo Điều số 11, thông tư số 49 của Bộ Y tế*).

f) Xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý và theo quy định phân cấp.

i) Chịu trách nhiệm quản lý ATTP trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống và các đối tượng theo phân cấp quản lý.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Quản lý an toàn thực phẩm đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối bao gồm: Quá trình trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản; sản xuất muối.

b) Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với ngũ cốc; thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản; rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; trứng và các sản phẩm từ trứng; sữa tươi nguyên liệu; mật ong và các sản phẩm từ mật ong; thực phẩm biến đổi gen; muối; gia vị; đường; chè; cà phê; ca cao; hạt tiêu; điều và các nông sản thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

c) Tổ chức việc thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy (theo Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2012 về Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố phù hợp)

d) Tổ chức việc cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm đối với các thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý. Trường hợp xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm có công bố tác dụng tới sức khỏe phải có ý kiến của Sở Y tế;

đ) Quản lý an toàn thực phẩm đối với các chợ đầu mối, đấu giá nông sản.

e) Thanh tra, kiểm tra sản phẩm và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại điểm a và b điều này;

f) Tổ chức cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại hình thực phẩm theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại điểm a và b điều này;

g) Tổ chức việc cấp Giấy Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại điểm a và b điều này;

h) Xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý.

i) Định kỳ, đột xuất báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân, Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Công Thương

a) Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, bao bì chứa đựng thuộc phạm vi quản lý;

b) Quản lý an toàn thực phẩm đối với các chợ, siêu thị, và các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối hàng hóa thực phẩm;

c) Thanh tra, kiểm tra sản phẩm các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp của Bộ Công Thương tại điểm a và b điều này;

d) Tổ chức cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại hình thực phẩm theo phân cấp của Bộ Công Thương tại điểm a và b điều này;

đ) Tổ chức việc cấp Giấy Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm theo phân cấp của Bộ Công Thương tại điểm a và b điều này. Trường hợp xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm có công bố tác dụng tới sức khỏe phải có ý kiến của Sở Y tế;

e) Xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý.

f) Thực hiện việc kiểm tra phòng chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trên thị trường đối với tất cả các loại thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm;

i) Định kỳ, đột xuất báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân, Ban chỉ đạo VSATTP tỉnh, Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật địa phương.

b) Chỉ đạo các đơn vị chức năng trực thuộc thực hiện các hoạt động tiêu chuẩn, đo lường chất lượng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp quy hoạch, xây dựng, nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm an toàn thực phẩm theo hướng đạt chuẩn quốc gia và khu vực; xây dựng và áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý an toàn thực phẩm.

d) Định kỳ, đột xuất báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo VSATTP tỉnh, Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế.

Điều 8. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về ATTP theo quy định của lực lượng Công an.

b) Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành VSATTP tỉnh kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về An toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

c) Định kỳ, đột xuất báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo VSATTP tỉnh, Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế.

Điều 9. Trách nhiệm của Hải quan tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các lực lượng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Y tế và các ngành liên quan kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh hàng hoá, đặc biệt là việc nhập lậu hàng thực phẩm qua biên giới vào nội địa. Phối hợp với các ngành chức năng tổ chức

tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức và thực hành về ATTP, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm cho cán bộ và chiến sỹ và đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa, biên giới. Phối hợp với ngành y tế triển khai các hoạt động sơ cấp cứu, phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn phụ trách.

b) Định kỳ, đột xuất báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo VSATTP tỉnh, Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các trường học xây dựng và nâng cấp các bếp ăn tập thể bảo đảm ATTP, chấp hành và thực hiện đầy đủ các điều kiện về VSATTP theo quy định của pháp luật, tuyệt đối không để xảy ra ngộ độc thực phẩm tại bếp ăn trường học.

b) Tất cả các bếp ăn tập thể các trường học đều được ký cam kết bảo đảm ATTP và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP do ngành y tế cấp.

c) Phối hợp với các ngành chức năng thường xuyên phổ biến kiến thức về ATTP cho đội ngũ giáo viên, sinh viên, học sinh và nhân viên phục vụ các bếp ăn tập thể ít nhất 1- 2 lần/ năm. Tăng cường kiểm tra, giám sát VSATTP tại các bếp ăn tập thể.

d) Định kỳ, đột xuất báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo VSATTP tỉnh, Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Hà Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Phối hợp với các ngành chức năng tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về ATTP phù hợp cho từng đối tượng; Tăng thời lượng tuyên truyền, kịp thời thông tin các hoạt động về ATTP trên các phương tiện thông tin đại chúng; Đồng thời chỉ đạo các Đài truyền thanh, truyền hình cơ sở dành nhiều thời lượng phát sóng để phổ biến các quy định về ATTP, các kiến thức về cách chọn lựa, bảo quản, chế biến thực phẩm; khuyến khích người tiêu dùng sử dụng các thực phẩm sạch; thông tin kịp thời các cơ sở thực phẩm và sản phẩm thực phẩm không đảm bảo ATTP đến nhân dân biết, nâng cao cảnh giác và không sử dụng.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Đáp ứng nguồn kinh phí và các nguồn lực cần thiết cho các hoạt động bảo đảm ATTP trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính tỉnh

Cân đối bảo đảm tài chính cho các hoạt động về ATTP trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Đề nghị các tổ chức chính trị, Đoàn thể quần chúng và các Hội

a) Triển khai công tác vận động, giáo dục, đẩy mạnh phát động các phong trào bảo đảm an toàn thực phẩm gắn với cuộc vận động xây dựng thôn, bản, khu phố văn hóa, xã văn hóa,... nhằm khuyến khích hình thành hành vi sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trong cộng đồng. Phối hợp với ngành Y tế tổ chức tập huấn, tuyên truyền phổ biến kiến thức an

toàn thực phẩm cho các hội viên, đoàn viên và nhân dân từ tỉnh đến cơ sở để phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm, trong đó chú ý đối tượng là các bà nội trợ, phụ nữ kinh doanh, sản xuất thực phẩm quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình, thức ăn đường phố,...

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về an toàn thực phẩm trên phạm vi địa bàn.
- b) Chỉ đạo, thực hiện các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo VSATTP tỉnh, Cục An toàn thực phẩm và Bộ Y tế;
- c) Trực tiếp quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn; phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm theo phân cấp quản lý.
- d) Quản lý hoạt động kinh doanh thức ăn đường phố, nhà hàng, khách sạn trên địa bàn quận, huyện theo phân cấp.
- e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra sản phẩm và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm, bếp ăn tập thể, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn toàn tỉnh theo phân cấp quản lý.
- f) Chịu trách nhiệm chỉ đạo tuyến xã quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh, chế biến thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố,... trên địa bàn xã/ phường/ thị trấn theo phân cấp;

Điều 16. Phối hợp giữa các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện/thành phố trong quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm

Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện/thành phố trong phạm vi quản lý nhà nước của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế trong việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước để bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm có hiệu quả.

1. Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Công an tỉnh tổ chức thực hiện chương trình giám sát, phòng ngừa và ngăn chặn sự cố an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 52 Luật an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công.

2. Khi xảy ra ngộ độc thực phẩm, Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức cấp cứu, điều trị kịp thời cho người bị ngộ độc thực phẩm. Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện/thành phố có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ thông tin liên quan tới nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Sở Y tế điều tra, xác minh nguyên nhân và giám sát điều tra căn nguyên, tiến hành truy xuất nguồn gốc và xử lý thực phẩm gây ngộ độc.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG THANH TRA, KIỂM TRA ATTP

Điều 17. Đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra có sự phối hợp giữa các Sở, ban, ngành

a) Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ vụ việc trình xử lý theo nguyên tắc sau:

- Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với từng hành vi vi phạm đều thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ trì, thì ban hành quyết định xử phạt theo quy định;

- Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền (hoặc không thuộc thẩm quyền) của người đứng đầu cơ quan chủ trì, thì phải chuyển vụ việc vi phạm đến cấp (hoặc cơ quan) có thẩm quyền xử phạt;

- Nếu các hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

b) Cơ quan phối hợp:

- Chịu trách nhiệm tham mưu cho Cơ quan chủ trì trong việc xử lý đối với các vi phạm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

- Chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ vụ việc, ban hành quyết định xử lý đối với các vụ việc thuộc lĩnh vực, thẩm quyền của ngành được cơ quan chủ trì chuyển qua. Sau khi xử lý xong, có báo cáo kết quả thực hiện cho cơ quan chủ trì biết theo quy định.

Điều 18. Đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra độc lập của các Sở, ban, ngành theo chức năng chuyên ngành

a) Các vụ việc vi phạm thuộc thẩm quyền, lĩnh vực được phân công quản lý thì chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, xử lý theo quy định.

b) Khi phát hiện vụ việc vi phạm có liên quan đến các đơn vị quản lý chuyên ngành (Sở Y tế, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương,...) thì cần phối hợp hoặc chuyển hồ sơ vụ việc cho cơ quan quản lý chuyên ngành để xử lý theo thẩm quyền.

Điều 19. Trách nhiệm xử lý hàng hoá vi phạm bị tịch thu, tiêu hủy

a) Hàng hoá thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của cơ quan tiến hành kiểm tra:

Cơ quan kiểm tra chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và thành lập Hội đồng tiêu huỷ hàng hoá theo quy định.

b) Đối với hàng hoá không thuộc đối tượng, lĩnh vực được phân công quản lý của cơ quan tiến hành kiểm tra:

Cơ quan kiểm tra hoàn chỉnh hồ sơ theo trình tự, thẩm quyền quy định để xử lý hành vi vi phạm. Nếu có tịch thu hàng hoá thì phải chuyển cho cơ quan quản lý chuyên ngành để tiến hành tiêu hủy.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20. Chế độ báo cáo

Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện/thành phố, các cơ quan liên quan báo cáo bằng văn bản về Sở Y tế (qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo VSATTP tỉnh vào ngày 25 hàng tháng, 6 tháng và cả năm.

Điều 21. Chế độ khen thưởng

Các cơ quan được quy định tại khoản 2, Điều 1 thực hiện tốt những nội dung của bản quy định này thì được xem xét khen thưởng; những tổ chức, cá nhân không thực hiện nghiêm túc bản quy định này thì tùy theo mức độ vi phạm có hình thức xử lý kỷ luật theo quy định.

Điều 22. Tổ chức thực hiện


Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố và các đơn vị chức năng có liên quan có trách nhiệm thi hành quy định này.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc, bất cập, kịp thời báo cáo gửi về Sở Y tế tổng hợp tham mưu đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TTr Tỉnh ủy-HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục An toàn thực phẩm-Bộ Y tế;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Hội tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, TH, KT, NN, VX. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG
HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 578 /HD-UBND ngày 05/4/ 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

TT	Tên sản phẩm/ nhóm sản phẩm	Ghi chú
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	Trừ những dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công Thương được sản xuất trong cùng một cơ sở và chỉ để dùng cho các sản phẩm thực phẩm của cơ sở đó
9	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG
HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 578 /HD- UBND ngày 05/4/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

TT	Tên sản phẩm/ nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Ngũ cốc	
1	Ngũ cốc	
2	Ngũ cốc đã sơ chế, chế biến (<i>xay sát, cắt, tách vỏ, tách cám, dạng mảnh, nảy mầm, xử lý nhiệt,...</i>)	Trừ các sản phẩm dạng bột, tinh bột và chế biến từ bột, tinh bột.
II	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
1	Thịt dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh (<i>nguyên con, pha lọc, cắt lát, mảnh, xay, viên,...</i>)	
2	Phụ phẩm ăn được của gia súc, gia cầm (<i>nội tạng, xương, chân, cổ, cánh, mỡ, máu,...</i>)	
3	Sản phẩm chế biến từ thịt và phụ phẩm ăn của gia súc, gia cầm (<i>khô, hun khói, đồ hộp, xử lý nhiệt, ướp muối, collagen, gelatin...</i>)	Trừ thực phẩm chức năng do Sở Y tế quản lý
4	Sản phẩm phối chế có chứa thịt (<i>giò, chả, nem, Lạp sườn, salami, xúc xích, Jăm bông, Pa tê, thịt bao bột, tẩm bột, ngâm dầu, súp, nước ép, nước chiết,...</i>)	Trừ sản phẩm dạng bánh do Sở Công Thương quản lý.
III	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
1	Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (<i>dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng,...</i>)	
2	Phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (<i>da, vây, bóng, mỡ, gan, trứng,...</i> của các loài thủy sản)	
3	Sản phẩm chế biến từ thủy sản và các phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (<i>lên men, dạng mắm, gia nhiệt, xông khói, khô, ướp muối, ngâm nước muối, bao bột, ngâm dầu, dịch chiết, nước ép, gelatin, collagen... kể cả có sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến</i>)	Trừ thực phẩm chức năng do Sở Y tế quản lý

4	Mỡ và dầu có nguồn gốc từ thủy sản được tinh chế hoặc chưa tinh chế dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng, được phẩm có nguồn gốc từ thủy sản do Sở Y tế quản lý.
5	Sản phẩm thủy sản phối trộn với bột, tinh bột, bao bột, sữa chế biến, dầu thực vật (bao gồm cả phồng tôm, cá, mực,...)	Trừ sản phẩm dạng bánh do Sở Công Thương quản lý.
6	Rong biển, tảo và các sản phẩm sản xuất từ rong biển, tảo dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ rong, tảo do Sở Y tế quản lý.
IV	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
1	Rau, củ, quả tươi và sơ chế (<i>cắt mảnh, tách vỏ, tách hạt, tách múi, xay,...</i>)	Trừ các loại rau, củ, quả, hạt làm giống
2	Rau, củ, quả chế biến (lên men, làm khô, xử lý nhiệt, dạng bột, đóng hộp, tẩm bột, ngâm dấm, ngâm dầu, ngâm đường, bao bột, dịch chiết, nước ép,...)	Trừ các sản phẩm dạng bánh, mứt, kẹo, ô mai và nước giải khát do Sở Công Thương quản lý
V	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
1	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư	
2	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư đã sơ chế, chế biến (<i>bóc vỏ, đóng bánh, đông lạnh, nghiền bột, xử lý nhiệt, muối, ngâm ướp thảo dược,...</i>)	
3	Các loại thực phẩm phối chế có chứa trứng, bột trứng	Trừ bánh kẹo có thành phần là trứng, bột trứng do Sở Công Thương quản lý.
VI	Sữa tươi nguyên liệu	
VII	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
1	Mật ong nguyên chất, cô đặc, pha loãng	
2	Sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa có lẫn hoặc không có mật ong	
3	Các sản phẩm có chứa mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa	Trừ bánh, mứt, kẹo, đồ uống có mật ong làm nước giải khát do Sở Công Thương quản lý. Trừ thực phẩm chức năng, được phẩm do Sở Y tế quản lý.

VIII	Thực phẩm biến đổi gen	
IX	Muối	
1	Muối biển, muối mỏ	
2	Muối tinh chế, chế biến, phối trộn với các thành phần khác	
X	Gia vị	
1	Gia vị đơn chất, hỗn hợp, gia vị có nguồn gốc động vật, thực vật (<i>bột hương liệu từ thịt, xương, dạng bột, dịch chiết, mù tạt,...</i>)	Trừ gia vị đi kèm sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột (mì ăn liền, cháo ăn liền,...) do Sở Công Thương quản lý
2	Nước xốt và các chế phẩm làm nước xốt	
3	Tương, nước chấm	
4	<i>Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền</i>	
XI	Đường	
1	Đường mía hoặc đường củ cải và đường sucroza tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn	
2	Đường khác (<i>kể cả đường lactoza, mantoza, glucoza và fructoza, tinh khiết về mặt hoá học, ở thể rắn; xirô đường chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu; mật ong nhân tạo đã hoặc chưa pha trộn với mật ong tự nhiên; đường caramen</i>)	
3	Mật thu được từ chiết xuất hoặc tinh chế đường	
XII	Chè	
1	Chè tươi, chế biến đã hoặc chưa pha hương liệu	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh, mứt, kẹo có chứa chè do Sở Công Thương quản lý.
2	Các sản phẩm trà từ thực vật khác	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát, do Sở Công Thương quản lý.
XIII	Cà phê	
1	Cà phê hạt tươi, khô, chất chiết xuất, tính chất và các chất cô đặc từ cà phê	
2	Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất ca-phê-in; vỏ quả và vỏ lụa cà phê;	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt

	các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó; dạng bột chiết có hoặc không có đường, sữa, kem để pha uống liền, các sản phẩm chế biến có chứa cà phê	có chứa cà phê do Sở Công Thương quản lý.
XIV	Ca cao	
1	Hạt ca cao tươi, khô, đã hoặc chưa vỡ mảnh, sống hoặc đã rang; Vỏ quả, vỏ hạt, vỏ lụa và phế liệu ca cao khác; Bột ca cao nhão, đã hoặc chưa khử chất béo, Bơ ca cao, mỡ và dầu ca cao; Bột ca cao, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	
2	Các chế phẩm từ ca cao dạng bột đã rang xay, không rang xay, dạng đặc, lỏng, bột uống liền có hoặc không có đường, sữa, kem, chế phẩm khác có chứa ca cao	Trừ sản phẩm uống dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa ca cao do Sở Công Thương quản lý.
XV	Hạt tiêu	
1	Hạt tiêu (<i>chi Piper</i>) khô, tươi, hạt tiêu xay, nghiền	
2	Các loại quả thuộc chi <i>Capsicum</i> hoặc chi <i>Pimenta</i> , tươi, khô, xay hoặc nghiền	
XVI	Điều	
1	Hạt điều	
2	Các sản phẩm chế biến từ hạt điều	Trừ bánh, mứt, kẹo có chứa hạt điều do Sở Công Thương quản lý.
XVII	Nông sản thực phẩm khác	
1	Các loại hạt (hướng dương, hạt bí, hạt dưa,...) đã hoặc chưa chế biến	
2	Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm khác dạng nguyên bản hoặc đã sơ chế, chế biến (<i>măng, mộc nhĩ, nấm; sản phẩm từ đậu nành ngoại trừ dầu; vò, rễ, lá, thân, hoa ăn được của một số loại cây...</i>)	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do Sở Y tế quản lý
3	Tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do Sở Y tế quản lý.
4	Sản phẩm nguồn gốc từ côn trùng dùng làm thực phẩm (<i>châu chấu, dế, nhộng tằm, ...</i>)	

XVIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	
XIX	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 578 /HD- UBND ngày 05 /4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Bia	
1	Bia hơi	
2	Bia chai	
3	Bia lon	
II	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	Không bao gồm sản phẩm rượu bỏ do Sở Y tế quản lý
1	Rượu vang	
1.1	Rượu vang không có gas	
1.2	Rượu vang có gas (vang nổ)	
2	Rượu trái cây	
3	Rượu mùi	
4	Rượu cao độ	
5	Rượu trắng, rượu vodka	
6	Đồ uống có cồn khác	
III	Nước giải khát	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết do Sở Y tế quản lý
1	Đồ uống đóng hộp, bao gồm nước ép rau, quả	
2	Nước giải khát cần pha loãng trước khi dùng	
3	Nước giải khát dùng ngay,	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết do Sở Y tế quản lý
IV	Sữa chế biến	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Sở Y tế quản lý
1	Sữa dạng lỏng (bao gồm sữa dạng lỏng được bổ sung hương liệu hoặc các phụ gia thực phẩm khác)	
1.1	Các sản phẩm được thanh trùng bằng phương pháp Pasteur	

1.2	Các sản phẩm được tiệt trùng bằng phương pháp UHT hoặc các phương pháp tiệt trùng bằng nhiệt độ cao khác	
2	Sữa lên men	
2.1	Dạng lỏng	
2.2	Dạng đặc	
3	Sữa dạng bột	
4	Sữa đặc	
4.1	Có bổ sung đường	
4.2	Không bổ sung đường	
5	Kem sữa	
5.1	Được tiệt trùng bằng phương pháp Pasteur	
5.2	Được tiệt trùng bằng phương pháp UHT	
6	Sữa đậu nành	
7	Các sản phẩm khác từ sữa	
7.1	Bơ	
7.2	Pho mát	
7.3	Các sản phẩm khác từ sữa chế biến	
V	Dầu thực vật	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Sở Y tế quản lý
1	Dầu hạt vừng (mè)	
2	Dầu cám gạo	
3	Dầu đậu tương	
4	Dầu lạc	
5	Dầu ô liu	
6	Dầu cọ	
7	Dầu hạt hướng dương	
8	Dầu cây rum	
9	Dầu hạt bông	
10	Dầu dừa	
11	Dầu hạt cọ hoặc dầu cọ ba-ba-su	<i>cb</i>

12	Dầu hạt cải hoặc dầu mù tạt	
13	Dầu hạt lanh	
14	Dầu thầu dầu	
15	Các loại dầu khác	
VI	Bột, tinh bột	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Sở Y tế quản lý
1	Bột mì hoặc bột meslin	
2	Bột ngũ cốc	
3	Bột khoai tây	
4	Malt: rang hoặc chưa rang	
5	Tinh bột: mì, ngô, khoai tây, sắn, khác	
6	Inulin	
7	Gluten lúa mì	
8	Sản phẩm từ bột nhào, đã hoặc chưa làm chín: spaghetti, macaroni, mì sợi, mì ăn liền, mì dẹt, gnocchi, ravioli, cannelloni, cháo ăn liền, bánh đa, phở, bún, miến...	
9	Sản phẩm từ tinh bột sắn và sản phẩm thay thế chế biến từ tinh bột, ở dạng mảnh, hạt, bột xay, bột rây hay các dạng tương tự	
VII	Bánh, mứt, kẹo	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Sở Y tế quản lý
1	Bánh quy ngọt, mặn hoặc không ngọt, mặn	
2	Bánh bít cốt, bánh mì nướng và các loại bánh nướng tương tự	
3	Bánh bột nhào	
4	Bánh mì giòn	
5	Bánh gato	
6	Các loại kẹo cứng, mềm có đường không chứa cacao	
7	Kẹo cao su, đã hoặc chưa bọc đường	

8	Kẹo sô cô la các loại	
9	Mứt, thạch trái cây, bột nghiền và bột nhào từ quả hoặc quả hạch, thu được từ quá trình đun nấu, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
10	Quả, quả hạch và các phần khác ăn được của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
11	Các sản phẩm bánh mứt kẹo khác	
VIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.	